

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ  
và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của  
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022  
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số  
điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Xét đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty Cổ phần Đường  
Quảng Ngãi tại Văn bản số 175/QNS-KCS ngày 26/5/2023; Văn bản số  
123/QNS-KCS ngày 22/4/2023; Văn bản số 360/QNS-KCS ngày 30/12/2022  
V/v hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy  
Điện Sinh khối An Khê và hồ sơ kèm theo.*

*Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Cấp phép cho Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi, địa chỉ tại Số 02, Đường Nguyễn Chí Thanh, KCN Quảng Phú, Phường Quảng Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Nhà máy Điện Sinh khối An Khê tại thôn 02, xã Thành An, thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai với các nội dung như sau:

**1. Thông tin chung của dự án đầu tư/cơ sở:**

1.1. Tên dự án: Nhà máy Điện Sinh khối An Khê.

1.2. Địa điểm hoạt động: Thôn 02, xã Thành An, thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi: số 4300205943 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp lần đầu ngày 18/12/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 24 ngày 05/10/2022.

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi - Nhà máy Điện Sinh khối An Khê: số 4300205943-005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 24/6/2016, thay đổi lần thứ 02 ngày 02/3/2023

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án Nhà máy Điện Sinh khối An Khê: số 5123125707 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 18/2/2016, thay đổi lần thứ 01 ngày 14/4/2017.

1.4. Mã số thuế:

- Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi: 4300205943.

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi - Nhà máy Điện Sinh khối An Khê: 4300205943-005

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất điện năng.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư/cơ sở:

- Quy mô dự án:

+ Tổng diện tích khu đất là 50.704 m<sup>2</sup> tại thôn 02, xã Thành An, thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai.

+ Dự án đầu tư thuộc nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

+ Dự án thuộc nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất của dự án:

+ Công suất lắp đặt máy phát điện: 95MW

+ Công suất máy phát điện tại thanh cái: 90,3 MW (hiệu suất của máy phát 95%);

+ Công suất phát điện tại trạm biến áp: 81 MW (tỷ lệ điện tự dùng tại Nhà máy 10%);

+ Công suất phát điện lên lưới quốc gia: 76 MW (tổn thất đường dây 6%).

+ Sản lượng điện phát lên lưới hàng năm (tối đa): Khoảng 243 triệu kWh.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn

thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (kể từ ngày cấp phép).

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai, UBND thị xã An Khê tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật.

*Nơi nhận:*

- Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi;
- Sở TN&MT tỉnh Gia Lai;
- UBND thị xã An Khê;
- Đ/c Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu VT, CNXD.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Dương Mah Tiệp**



## PHỤ LỤC 1

### **NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 37/GPMT-UBND ngày 03. tháng 07. năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)*

#### **A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**

##### **1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- + Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt tại 01 bể tự hoại của Nhà máy, lưu lượng 5 m<sup>3</sup>/ngày đêm.
- + Nguồn số 02: Nước giải nhiệt tuần hoàn, lưu lượng 4.000 m<sup>3</sup>/lần xả/năm.
- + Nguồn số 03: Nước xả đáy lò hơi, lưu lượng 96 m<sup>3</sup>/ngày đêm.
- + Nguồn số 04: Nước rửa ngược, nước tái sinh, lưu lượng 50 m<sup>3</sup>/h (từ bộ lọc RO và bình Mixbed, được tuần hoàn tái sử dụng).

##### **2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:**

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải phát sinh từ Nhà máy được đưa về hệ thống xử lý nước thải của Nhà máy Đường An Khê với công suất 8.400 m<sup>3</sup>/ngày đêm để xử lý cùng với nước thải phát sinh từ Nhà máy Đường An Khê, nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B, Kq = 0,9, Kf = 1,0) trước khi xả ra sông Ba.

2.2. Vị trí xả nước thải: Hệ thống xử lý nước thải của Nhà máy Đường An Khê.

STT	Nguồn	Tọa độ theo VN2000 (kinh tuyến trục 108 <sup>o</sup> 30', múi chiều 3 <sup>o</sup> )	
		X	Y
1	Nguồn số 01 đầu nối vào bể biogas 2 của hệ thống xử lý nước thải của Nhà máy Đường An Khê	1546763	517303
2	Nguồn số 02 bơm vào bể chứa nước thải tập trung của hệ thống xử lý nước thải của Nhà máy Đường An Khê	1546741	517408
3	Nguồn số 03 đầu nối vào bể trung gian (bể biogas 3) của hệ thống xử lý nước thải của Nhà máy Đường An Khê	1546835	517262
4	Nguồn số 04 bơm về tháp giải nhiệt tuần hoàn của Nhà máy Điện Sinh khối (Vào nguồn số 2 của Nhà máy).	1546677	517315

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất vào hệ thống xử lý nước thải của Nhà máy Đường An Khê:

- Lưu lượng xả thải thường xuyên (*nguồn số 1 và nguồn số 3*): 101 m<sup>3</sup>/ngày.
- Lưu lượng xả thải định kỳ cuối vụ sản xuất (*nguồn số 2 và nguồn số 4*): 4.00 m<sup>3</sup>/lần/năm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

STT	Dòng	Phương thức xả
1	Dòng số 01 ( <i>ứng với nguồn số 01</i> )	Tự chảy liên tục 24 giờ/ngày (trong quá trình hoạt động của lò hơi)
2	Dòng số 02 ( <i>ứng với nguồn số 02 và nguồn số 04</i> )	Tự chảy 01 lần/năm vào cuối vụ sản xuất
3	Dòng số 03 ( <i>ứng với nguồn số 03</i> )	Tự chảy liên tục 24 giờ/ngày (trong quá trình hoạt động của lò hơi)

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục hằng ngày trong vụ sản xuất hoặc định kỳ vào cuối vụ sản xuất.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận: Nước thải phát sinh từ Nhà máy Điện Sinh khối An Khê được đưa về hệ thống xử lý nước thải của Nhà máy Đường An Khê để xử lý cùng với nước thải phát sinh của Nhà máy Đường An Khê trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**

**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt (*Nguồn số 1*): Nước thải xám (*nước thải từ quá trình tắm, giặt, ...*) và nước thải đen (*nước thải từ nhà vệ sinh*) sau khi xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn được thu gom bằng ống nhựa pVC DN90, dài khoảng 40 m về bể biogas 2 thuộc hệ thống xử lý nước thải của Nhà máy Đường An Khê.

- Nước giải nhiệt tuần hoàn (*Nguồn số 2*): Xả vào đường thoát nước mặt của Nhà máy vào mương thoát nước mặt của NM Đường An Khê, chiều dài mương hở khoảng 150 m, sau đó tiếp tục tự chảy theo độ dốc công trình ( $i=0,2-0,5\%$ ) đến hố thu gom chung của Nhà máy Đường An Khê (cạnh kho đường thô), tại hố thu đặt 02 bơm chìm bơm về bể nước thải tập trung thuộc hệ thống xử lý nước thải của Nhà máy Đường An Khê để xử lý.

- Nước xả đáy lò hơi (*Nguồn số 3*): Được đưa về bể chứa, dung tích 24 m<sup>3</sup>, sau đó tự chảy theo đường ống DN80, dài khoảng 200m về bể trung gian (bể biogas 3) thuộc hệ thống xử lý nước thải của Nhà máy Đường An Khê để xử lý.

- Nước rửa ngược, tái sinh (*Nguồn số 4*): Được chứa trong bể có dung tích 166 m<sup>3</sup> và được bơm đến tháp giải nhiệt của Nhà máy bằng đường ống thép DN80, dài khoảng 200 m (*Vào nguồn số 2 của Nhà máy*).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải: Dự án không có công trình, thiết bị xử lý nước thải.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ bảo dưỡng hệ thống đường ống thu gom nước thải về hệ thống xử lý nước thải của Nhà máy Đường An Khê.

- Giám sát chặt chẽ nước thải đầu vào và đầu ra tại Nhà máy.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

Dự án không thuộc trường hợp phải vận hành thử nghiệm theo Điều 31 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022.

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

- Thu gom nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án về hệ thống xử lý nước thải của Nhà máy Đường An Khê để xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

- Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để vận hành thường xuyên hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của dự án.





**PHỤ LỤC 2**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 371 /GPMT-UBND ngày 03.. tháng 07. năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**

**1. Nguồn phát sinh bụi, khí thải:**

- Nguồn số 01: Khí thải lò hơi số 1.
- Nguồn số 02: Khí thải lò hơi số 2.

**2. Dòng khí thải, vị trí xả thải:**

**2.1. Vị trí xả thải:**

- Dòng khí thải số 01: Tương ứng với ống khói thải của hệ thống xử lý khí thải lò hơi số 01: X = 1545708, Y = 517946.
- Dòng khí thải số 02: Tương ứng với ống khói thải của hệ thống xử lý khí thải lò hơi số 02: X = 1545704; Y = 517935.

(Tọa độ theo VN200, kinh tuyến trực  $108^{\circ}30'$ , múi chiều  $3^{\circ}$ )

**2.2. Lưu lượng xả thải lớn nhất:**

- Dòng khí thải số 01: 1.400.000 m<sup>3</sup>/h/lò.
- Dòng khí thải số 02: 1.400.000 m<sup>3</sup>/h/lò.

**2.2.1. Phương thức xả thải:** Liên tục 24 giờ/ngày trong thời gian hoạt động.

**2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B, Kp=0,8, Kv=1,0 - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cụ thể như sau:**

STT	Thông số	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /h	-	03 tháng/lần trong giai đoạn hoạt động	Thuộc đối tượng quan trắc tự động, liên tục
2	Nhiệt độ	°C	-		
3	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	160		
4	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	800		
5	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	400		
6	NO <sub>x</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	680		

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:**

**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có):**

**1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh khí thải để đưa về các hệ thống xử lý:**

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ lò hơi số 01 được dẫn vào thiết bị lọc bụi tĩnh điện, bụi tách ra khỏi dòng khí xuống đáy thiết bị. Khí sạch được quạt hút ra ngoài thông qua ống khói thải số 01.

- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ lò hơi số 02 được dẫn vào thiết bị lọc bụi tĩnh điện, bụi tách ra khỏi dòng khí xuống đáy thiết bị. Khí sạch được quạt hút ra ngoài thông qua ống khói thải số 02.

### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ chung: Khói thải lò hơi (lò hơi số 01 và 02) → Ống dẫn → Thiết bị lọc bụi tĩnh điện → Quạt hút → Ống khói thải.

- Công suất thiết kế: 1.400.000 m<sup>3</sup>/giờ/lò.

- Hóa chất, nhiên liệu sử dụng: Tĩnh điện.

- Kích thước các thiết bị xử lý khí thải:

TT	Hạng mục	Số lượng	Thông số kỹ thuật
1	Đường ống dẫn khói thải	-	Vật liệu: thép. Ống gom có đường kính 2,7 m.
2	Thiết bị lọc bụi tĩnh điện	02 bộ	Kích thước: Chiều dài x chiều rộng x chiều cao = 18,25 m x 17,4 m x 31 m. Vật liệu: thép
3	Quạt hút và động cơ	04 cái (02 quạt cho 1 bộ lọc bụi, hoạt động thay phiên)	Thông số kỹ thuật của 01 quạt: Lưu lượng: Q = 750.000 m <sup>3</sup> /h; Công suất: 300 KW
4	Ống khói	02 cái	Kích thước: DxH = 3,5 m x 50 m Vật liệu: thép

### 1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

- Số lượng: 01 trạm.

- Vị trí lắp đặt: Ống khói lò hơi số 01 và lò hơi số 02.

- Thông số lắp đặt: Lưu lượng, Nhiệt độ, NO<sub>x</sub>, O<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub>, CO, Bụi tổng, áp suất.

- Camera theo dõi: Đã lắp camera giám sát.

- Kết nối, truyền số liệu: Dữ liệu được truyền về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai để theo dõi, giám sát.

### 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Công nhân vận hành lò hơi được đào tạo về chuyên môn và kỹ thuật an toàn, nắm vững đặc điểm, cấu tạo, quy trình vận hành, sự cố thường gặp và có biện pháp xử lý.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng lò hơi, lò đốt để phát hiện các sự cố và có biện pháp khắc phục hợp lý.

- Trong quá trình hoạt động xảy ra sự cố, Công ty dừng ngay hoạt động tại khâu phát sinh khí thải phải xử lý, kiểm tra tìm nguyên nhân và khắc phục sự cố. Chỉ vận hành trở lại khi sự cố đã được khắc phục đảm bảo yêu cầu.



- Trong quá trình vận hành nếu để xảy ra sự cố môi trường ảnh hưởng đến môi trường và người dân xung quanh, Công ty thực hiện khắc phục ngay sự cố và báo cáo các cơ quan, ban, ngành liên quan để phối hợp, xử lý theo quy định.

**2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:** Dự án đã hoàn thành vận hành thử nghiệm đối với lò hơi số 01 và 02.

**3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

- Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.2 của Phần A phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

- Có nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý khí thải.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý khí thải.



**PHỤ LỤC 3**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**  
**VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 371 /GPMT-UBND ngày 03... tháng 03... năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Máy turbine phát điện.
- Nguồn số 02: Khu vực lò hơi.
- Nguồn số 03: Máy băm dăm.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Tọa độ nguồn số 01: X = 1546691, Y = 517215.
- Tọa độ nguồn số 02 : X = 1546743, Y = 517218.
- Tọa độ nguồn số 03: X = 1546716, Y = 517392.

*(Hệ tọa độ VN-2.000, kinh tuyến trực 108<sup>0</sup>30', múi chiều 3<sup>0</sup>)*

**3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:**

**3.1. Tiếng ồn:**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ	
1	70	55	Khu vực thông thường

**3.2. Độ rung:**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ	
1	70	60	Khu vực thông thường

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**

**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Trang bị các thiết bị bảo hộ lao động như: các thiết bị bảo vệ tai, giới hạn thời gian làm việc tại những khu vực có tiếng ồn vượt quá giới hạn cho phép.
- Lựa chọn trang thiết bị đảm bảo tiêu chuẩn, trang bị đế cao su để giảm độ

rung, độ ồn.

**2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn để giảm thiểu độ rung.



**PHỤ LỤC 4**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ**  
**SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 371/GPMT-UBND ngày 03. tháng 07. năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

**1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên**

STT	Tên chất thải	Mã CTNH theo TT 02/2022/TT-BTNMT	Đơn vị	Khối lượng
1	Các vật liệu mài dạng hạt thải có các thành phần nguy hại (cát, bột mài,...)	07 03 08	kg/năm	15
2	Que hàn thải có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	07 04 01	kg/năm	20
3	Hộp mực in thải có thành phần nguy hại	08 02 04	kg/năm	15
4	Vật liệu cách nhiệt có chứa amiăng thải	11 06 01	kg/năm	800
5	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	kg/năm	50
6	Các loại dầu truyền nhiệt và cách điện thải khác	17 03 05	kg/năm	40
7	Bao bì thải bằng nhựa	18 01 03	kg/năm	150
8	Bao bì thải khác (bao bì mềm)	18 01 01	kg/năm	60
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	kg/năm	300
<b>Tổng</b>			<b>kg/năm</b>	<b>1.450</b>

**1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh (dự kiến lớn nhất):**

- Tro xỉ lò hơi: Khoảng 33,33 tấn/ngày.
- Bụi thu hồi từ hệ thống lọc bụi: Khoảng 133,33 tấn/ngày.

**1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 30 kg/ngày.**

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**

### **2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng có dung tích 240 lít đối với chất thải rắn, can 30 lít hoặc phi 200 lít đối với chất thải lỏng, sau đó chuyển về kho chất thải nguy hại của Nhà máy Đường An Khê để lưu chứa.

### **2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

- Tro xỉ xả trực tiếp vào xe cải tiến, công nhân sẽ trực tiếp phun nước để dập tàn lửa, giải nhiệt tro xỉ và tạo ẩm chống phát tán bụi. Sau đó xe cải tiến vận chuyển đến bãi chứa tro xỉ ngoài trời (diện tích khoảng 250 m<sup>2</sup>) để chờ xe vận chuyển chuyên dùng đưa đến bón cho các cánh đồng mía của Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi.

- Bụi thu hồi từ thiết bị lọc bụi được thu gom vào hệ thống máng thu bằng nước. Lượng nước trong máng thu chứa đầy bụi sẽ được bơm xuống hệ thống thu hồi tro của Nhà máy Đường An Khê. Bụi được tách ra khỏi nước bằng máy lọc chân không; Nước sau khi lọc tro sẽ được bơm tuần hoàn trở lại để tiếp tục chu trình thu hồi tro mới (không thải ra ngoài) và bụi tách nước được đưa vào phễu → xả xuống xe vận chuyển chuyên dùng, chuyển giao cho các đơn vị làm phân bón.

### **2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

Tại mỗi khu nhà như: Nhà văn phòng, nhà xưởng,... chủ dự án bố trí các thùng đựng rác nhằm thu gom lượng rác thải sinh hoạt phát sinh của cán bộ, công nhân tại Nhà máy. Thùng chứa riêng cho 2 loại rác thải sinh hoạt, dung tích 240 lít, nắp kín. Mỗi vị trí bố trí 2 thùng, có màu sắc khác nhau để phân biệt:

- Thùng chứa chất thải tái chế: Dùng để đổ thải các chất thải như lon đồ hộp, túi ni lông, thùng carton... Nguồn thải sau thu gom sẽ được bán cho cơ sở tái chế.

- Thùng chứa chất thải không tái chế: Dùng để đổ thải các chất thải còn lại. Cuối ngày, nhân viên vệ sinh sẽ tiến hành thu gom các loại chất thải này về nhà chứa chất thải rắn sinh hoạt (diện tích khoảng 40 m<sup>2</sup>) và định kỳ 2 ngày/lần đơn vị chức năng đến thu gom và đưa đi xử lý.

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng theo quy định.

2. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động và phòng cháy chữa cháy.



## **PHỤ LỤC 5** **CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 371/GPMT-UBND ngày 03. tháng 07. năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)*

Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi thực hiện các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường như sau:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.
- Xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.
- Thực hiện Chương trình quan trắc môi trường định kỳ và báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm theo đúng quy định.
- Phối hợp với chính quyền địa phương giải quyết những kiến nghị, khiếu nại về môi trường do ảnh hưởng của dự án.
- Bồi thường và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp sự cố về môi trường xảy ra do triển khai và vận hành dự án.
- Tuân thủ giấy phép môi trường sau khi được cấp; xử lý khắc phục kịp thời sự cố môi trường và cam kết giải quyết tranh chấp, khiếu nại tố cáo nếu có.